

Số: 01/2021/QĐPT-VDS

Hà Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Xác định quyền sở hữu quyền sử dụng tài sản
của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Đức Trường.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Bà Hoàng Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Bà Thiều Thị Minh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2021/TLPT-VDS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Xác định quyền sở hữu quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung”.

Do Quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần bị kháng nghị.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐPT-VDS ngày 16 tháng 7 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Hồ Hữu T, sinh năm 1974; Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc K, bà Đỗ Thị T, anh Trần Văn K, chị Trần Thị Y, anh Trần Văn Đ, bà Kiều Thị N. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang

- Viện kiểm sát kháng nghị: Quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-VDS ngày 22/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung, với nội dung: Căn cứ quyết định của Bản án số 01/2020/PT-DS ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử buộc ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T phải

liên đới trả lại cho bà Kiều Thị N số tiền gốc là 100.000.000đ; tiền lãi suất là 7.514.000đ, tổng cộng là 107.514.000đ (*Một trăm linh bảy triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*). Ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T là người phải thi hành án đối với bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, ông K, bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án và người được thi hành án bà Kiều Thị N có đơn yêu cầu thi hành án. Mặc dù, Chi cục Thi hành án dân sự huyện X đã ra quyết định thi hành án nhưng đến nay ông K, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên thi vợ chồng ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 94, diện tích 839,6m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác; Thời hạn sử dụng: 01/7/2064; đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG 459270; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 00282 ngày 12/3/2018 cho người sử dụng đất là bà Đỗ Thị T. Thửa đất có vị trí tại tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Ngày 09/7/2020 Thi hành án dân sự huyện X ra Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên, nhưng ông K, bà T và 03 con là anh Trần Văn K, chị Trần Thị Y, anh Trần Văn Đ cho rằng đây là tài sản chung của cả gia đình, mỗi người đều có công sức đóng góp nhưng chưa xác định được phần đóng góp (thể hiện trong biên bản xác minh ngày 15/7/2020). Do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung, Chi cục Thi hành án dân sự huyện X ban hành Thông báo số 173/TB-CCTHADS ngày 18/8/2020 về quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự (cho người phải thi hành án, người có chung tài sản) và Thông báo số 187/TB-CCTHADS ngày 21/9/2020 về quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông K, bà T và các con của ông bà đều không tự thỏa thuận về phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng của người phải thi hành án trong khối tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện X ông Hồ Hữu T, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của ông Trần Quốc K, bà Đỗ Thị T trong khối tài sản chung để thi hành án.

Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện X quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Hữu T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Hà Giang về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của người phải thi hành án.

Ông Trần Quốc K được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ (*Một phần hai*) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như sau: Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 94, diện tích 839,6m². Thửa đất có tứ cận: Phía Đông: Giáp các hộ ông Thèn Văn S, ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Văn T, ông Hà Quang V, bà Nguyễn Thị V, bà Vũ Thị N; Phía Tây: Giáp khe nước; Phía Nam: Giáp khe nước; Phía Bắc: Giáp đất ông Vàng Văn Đ. Tài sản trên đất gồm: Một phần chuồng lợn mới xây

năm 2020 có diện tích khoảng 10m²; 04 cây vú sữa, 03 cây hồng, 02 cây khế, 02 cây vải, 75 cây mía, 08 cây chuối, 03 cây mắc mật, 01 cây táo, cây xả và một số cây dùng làm rau.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Quốc K có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hồ Hữu T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, quyết định còn tuyên về lệ phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-VDS đối với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang theo thủ tục phúc thẩm với nội dung: Quyết định sơ thẩm tuyên ông Trần Quốc K được quyền sở hữu, sử dụng ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mà không tuyên phần bà Đỗ Thị T là thiếu sót, việc tuyên ông K chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả lại cho ông T là chưa chính xác: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang áp dụng điểm b khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự sửa quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Hữu T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Hà Giang về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án. Quyền sử dụng đất tại tổ 4, thị trấn C, huyện X đã được Sở tài nguyên và Môi trường Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 459270 ngày 12/3/2018 cho bà Đỗ Thị T, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 94, diện tích 839,6m², đất trồng cây hàng năm khác là tài sản chung của ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hồ Hữu T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là trong thời hạn luật định theo Điều 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang được giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tại phiên họp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc K, bà Đỗ Thị T, anh Trần Văn K chị Trần Thị Y, anh Trần Văn Đ, bà Kiều Thị N vắng mặt không có lý do, mặt khác, để phòng dịch Covid-19. Căn cứ vào khoản 3 Điều 374 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng phúc thẩm vẫn tiến hành phiên họp.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng phúc thẩm nhận thấy: Viện kiểm sát cho rằng quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần chưa nhận định rõ tài sản Chấp hành viên đề nghị Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án (ông K, bà T) là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông K, bà T. Trong phần quyết định chỉ tuyên : “... Ông Trần Quốc K được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất...” mà không tuyên phần quyền của bà Đỗ Thị T trong khối tài sản chung đó là thiếu sót, chưa giải quyết đầy đủ yêu cầu của người yêu cầu.

[4] Xét thấy: Ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T kết hôn vào năm 1991, có đăng ký kết hôn, đến năm 2018 vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng một mảnh đất của ông Thèn Văn S và đã được Sở tài nguyên và Môi trường Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 459270 ngày 12/3/2018 mang tên bà Đỗ Thị T, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 94, diện tích 839,6m², đất trồng cây hàng năm khác. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị T, nhưng trong quá trình giải quyết vụ việc ông K và bà T đều thừa nhận là ông bà cùng thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng với ông Thèn Văn S.

[5] Ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T cho rằng: Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 94, diện tích 839,6m² được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2018 cho người sử dụng đất là bà Đỗ Thị T là tài sản chung của gia đình gồm vợ chồng ông K, bà T và 03 con chung là anh Trần Văn K, chị Trần Thị Y và anh Trần Văn Đ. Vì các con của ông bà có phần đóng góp san ủi mặt bằng, góp tiền để mua đất nên các con của ông K, bà T có ý kiến đề nghị được chia mỗi người 1/5 giá trị đối với thửa đất này.

[6] Quá trình giải quyết việc dân sự tại cấp sơ thẩm anh Trần Văn K, chị Trần Thị Y và anh Trần Văn Đ không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh là có công sức đóng góp trong việc mua đất, làm tăng giá trị thửa đất.

[7] Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định :“ Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của ông K, bà T về việc chia giá trị thửa đất làm năm phần, chia đều cho năm người là có căn cứ. Trong thời hạn kháng cáo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[9] Tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản....Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng...” và khoản 1 Điều 34 quy định:“ Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận

quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác”.

[10] Vì vậy cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của ông K, bà T là có căn cứ.

[11] Tại phiên họp phúc thẩm người yêu cầu anh Hồ Hữu T (Chấp hành viên) xác định yêu cầu giải quyết việc dân sự như sau: Đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng và tài sản trên đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 94, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 459270 ngày 12/3/2018 mang tên bà Đỗ Thị T là tài sản chung của ông K, bà T. Không yêu cầu xác định phần quyền về tài sản của ông K, bà T trong khối tài sản chung nêu trên.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm tuyên ông Trần Quốc K được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là chưa đủ căn cứ.

[13] Về chi phí tố tụng: Cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Trần Quốc K hoàn trả toàn bộ chi phí tố tụng cho chấp hành viên chi cục Thi hành án dân sự huyện X là ông Hồ Hữu T là chưa đầy đủ, cần xác định ông K, bà T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do chấp hành viên đã tạm ứng chi phí phí, vì vậy ông K, bà T phải trả lại toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho chấp hành viên (ông Hồ Hữu T) .

[14] Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ.

[15] Về lệ phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, sửa quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Hữu T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện X, tỉnh Hà Giang về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án:

- Xác định diện tích đất 839,6m² và tài sản trên đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 94, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 459270 ngày 12/3/2018, mang tên bà Đỗ Thị T, địa chỉ đất tại tổ 4, thị trấn C, huyện X là tài sản chung của ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T.

- Về chi phí tố tụng: Ông Trần Quốc K và bà Đỗ Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Hồ Hữu Thành chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về lệ phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Người yêu cầu và NCQLNVLQ;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hoàng Đức Trường

THÀNH VIÊN

CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Kim Quy – Hoàng Thị Vân

Hoàng Đức Trường

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Người yêu cầu và NCQLNVLQ;
- TAND huyện Xín Mần;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hoàng Đức Trường